

Bản án số: 62/2024/HNGĐ-ST

Ngày 23.9.2024

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ-TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trình

Ông Mai Văn Du

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dự - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ ,TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thu Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2024/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 159/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2024 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà **Phan Thị N**, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: A N, Tổ F, phường H, quận C, TP Đà Nẵng

-Bị đơn: Ông **Trần Trang D**, sinh năm: 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ F, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn trình bày; biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Tôi và anh Trần Trang D chung sống với nhau gần 10 năm rồi mới làm thủ tục đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện, không tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, quận T, TP Đà Nẵng vào ngày 21/5/2019.

Vợ chồng chúng tôi sống tại địa chỉ số A N, Tổ F, phường H, quận C, TP Đà Nẵng từ cuối năm 2015 cho đến bây giờ.

Quá trình chung sống chúng tôi có phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D ham chơi, không lo làm ăn; không có trách nhiệm đối với

tôi. Vào đầu năm 2024, tôi đã gửi đơn ly hôn một lần tại Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ; qua hòa giải tôi đồng ý cho anh D thêm cơ hội để khắc phục mâu thuẫn nên đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, hiện nay vợ chồng tôi vẫn không khắc phục được mâu thuẫn.

Hiện nay tôi không còn tình cảm với anh D nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Trần Trang D.

- Về quan hệ con chung: Không có
- Về quan hệ tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về quan hệ nợ chung: Không có.

* Bị đơn ông Trần Trang D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh D vẫn vắng mặt không có lý do và anh D cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo trừ bị đơn anh Trần Trang D đã không thực hiện nghĩa vụ của đương sự là đến Tòa theo triệu tập do vậy căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị xét xử vắng mặt anh D.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ quy định tại Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N đối với anh Trần Trang D:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Phan Thị N được ly hôn với anh Trần Trang D.

- Về quan hệ con chung: Bà N1 xác định vợ chồng không có nên không đề cập giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Bà N1 xác định vợ chồng bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Bà N1 xác định vợ chồng không có nên không đề cập giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà N1 phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N1 đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Phan Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng thụ lý giải quyết tranh chấp ly hôn đối với ông Trần Trang D và Tòa án đã

thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của bà N là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa bị đơn ông Trần Trang D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Vì vậy căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Trang D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Phan Thị N và ông Trần Trang D chung sống với nhau gần 10 năm rồi mới làm thủ tục đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện, không tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, quận T, TP Đà Nẵng vào ngày 21/5/2019 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Sau khi kết hôn, vợ chồng bà N ông D chung sống tại địa chỉ số A N, Tổ F, phường H, quận C, TP Đà Nẵng từ cuối năm 2015 cho đến hiện nay.

Theo bà N thì vợ chồng bà trong quá trình chung sống có phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông D ham chơi, không lo làm ăn; không có trách nhiệm đối với bà. Vào đầu năm 2024, bà N đã gửi đơn ly hôn một lần tại Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ; qua hòa giải bà N đồng ý cho ông D thêm cơ hội để khắc phục mâu thuẫn nên đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 33/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08/4/2024 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ. Tuy nhiên, hiện nay vợ chồng bà vẫn không khắc phục được mâu thuẫn.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà N xác định hiện nay bà không còn tình cảm với ông D nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Trang D.

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để cho ông Trần Trang D có ý kiến nhưng cho đến ngày mở phiên tòa hôm nay ông D vẫn không có mặt và không có văn bản phản hồi ý kiến. Vì vậy HĐXX quyết định xử vắng mặt ông Trần Trang D.

[2.4] Với những tình tiết và chứng cứ trên, HĐXX xét thấy giữa bà N và ông D không có đời sống hôn nhân thực sự, tình cảm vợ chồng không có, giữa vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình Tòa án xác minh tại địa phương thì địa phương không rõ được những mâu thuẫn của vợ chồng bà N và ông D; tuy nhiên tại hồ sơ vụ án cũng thể hiện trước đây bà N cũng đã một lần gửi đơn xin ly hôn với ông D tại Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ và đã cho ông D cơ hội để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng; vì vậy bà N đã rút đơn ly hôn và được Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ đình chỉ giải quyết vụ án theo Quyết định số 33/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08/4/2024. Sau khi đoàn tụ thì mâu thuẫn giữa vợ chồng bà N ông D vẫn không khắc phục được nên bà N lại tiếp tục gửi đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D. Quá trình giải quyết vụ án, ông D cũng không thể hiện thiện chí muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nên không đến Tòa án tham gia các phiên hòa giải cũng như phiên tòa.

Căn cứ Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N đối với ông Trần Trang D là hợp lý.

[2.5] Về con chung: Bà N1 xác nhận không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.6] Về tài sản chung: Bà Nguyệt xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.7] Về nợ chung: Bà N1 xác nhận không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.8] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà Nguyệt phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ.

[2.9] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Phan Thị N được ly hôn với ông Trần Trang D. Về quan hệ con chung: Bà Nguyệt xác định vợ chồng không có nên không đề cập giải quyết. Về quan hệ tài sản chung: Bà Nguyệt xác định vợ chồng bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết. Về quan hệ nợ chung: Bà Nguyệt xác định vợ chồng không có nên không đề cập giải quyết. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà N phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;
- Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 266 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N đối với ông Trần Trang D về việc “*Tranh chấp ly hôn*”.

I/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Phan Thị N được ly hôn với ông Trần Trang D.

II/ Về quan hệ con chung: Không có.

III/ Về quan hệ tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không đề cập giải quyết.

IV/ Về quan hệ nợ chung: Không có

V/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Phan Thị N phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà N đã nộp tại biên lai thu số 00001696 ngày 02/7/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Cẩm Lệ. Bà N1 đã nộp đủ án phí.

Bà Phan Thị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng ông Trần Trang D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ ;
- UBND phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Giấy CNKH số: 45/2019
ngày 21/5/2019)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa